

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Hưng.

2. Ông Phạm Văn Xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên tòa:** Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, thụ lý số:14/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Lạc Thị B, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn ly hôn, bản tự khai và lời khai, lời trình bày tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa; nguyên đơn trình bày, yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn T và bà Lạc Thị B trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống hạnh

phúc tại thôn Đ, xã C đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do người vợ không vun vét gia đình, không có trách nhiệm với các con, thường xuyên gây mâu thuẫn với chồng, mỗi lần cãi chửi nhau thì tự ý bỏ nhà đi trong một khoảng thời gian dài mới quay về, không chăm sóc con cái, bỏ mặc các con cho người chồng một mình chăm sóc.

Ông Hoàng Văn T đã nhiều lần khuyên bảo, nói chuyện thẳng thắn với bà Lạc Thị B nhưng không thay đổi được, gia đình hai bên cũng đã nhắc nhở, góp ý nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng thường xuyên lời qua, tiếng lại, nhiều lần xảy ra xô xát xích mích căng thẳng, dẫn đến không khí gia đình nặng nề gây ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Mâu thuẫn trầm trọng hơn, bắt đầu vào khoảng tháng 7 năm 2019, bà Lạc Thị B bỏ nhà đi biệt lập, không gửi tiền chăm sóc các con trong khoảng thời gian dài, dẫn đến việc một mình người chồng vừa phải đi làm, vừa nuôi các con ăn học rất vất vả.

Ông Hoàng Văn T đã tìm nhiều cách để liên lạc, nhưng không được. Mãi đến năm 2021, khi biết tin bà Lạc Thị B đang ở trên cửa khẩu Tân Thanh, vì mong muốn các con có đủ sự chăm sóc, tình cảm của mẹ nên đã đi lên đón bà Bắc về; khi đến nơi thấy bà Bắc đang tập trung ở trong phòng trọ của người khác chơi bài, anh đã nói chuyện và khuyên vợ rất lâu thì vợ mới chịu về nhà.

Tuy nhiên, sau đó bà Lạc Thị B lại bắt đầu đi làm công nhân ở Bắc Giang, vợ chồng tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn liên quan đến vấn đề kinh tế, mặc dù bà Bắc đi làm có lương nhưng không gửi tiền về hỗ trợ anh nuôi ba người con. Khi anh nói chuyện, thì vợ chồng lại cãi nhau, bà Bắc không về nhà nhiều tháng mà ở dưới Bắc Giang. Nguyên đơn xác định do thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Hoàng Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Lạc Thị B.

Về con chung: Có 03 con chung là các cháu Hoàng Thị Thảo M, sinh ngày 21/12/2007, cháu Hoàng Lạc Nhã K, sinh ngày 05/11/2012 và cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 13/4/2017. Các cháu hiện đang sinh sống cùng với ông Hoàng Văn T, phần lớn thời gian do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 03 con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; ông tôn trọng nguyện vọng của các cháu mong muốn được ở cùng bố, không muốn bị xáo trộn cuộc sống và có chị có em đỡ đần nhau.

Ông Hoàng Văn T hiện đang làm Công nhân mỏ đá của Công ty TNHH H, thu nhập từ lương khoảng 20.000.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện kinh tế nuôi dưỡng các con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai, lời trình bày tại các phiên hòa giải và tại phiên toà bị đơn trình bày: Vợ chồng kết hôn hợp pháp, sau đó chung sống cùng gia đình nhà chồng. Từ năm 2019, do hoàn cảnh khó khăn, bà Lạc Thị B phải đi làm công

nhân ở Bắc Ninh; thời gian vợ chồng xa nhau, ông T không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác nên hay gây mâu thuẫn, đánh đuổi bà Lạc Thị B ra khỏi nhà và không cho quay về. Nay bà Lạc Thị B không đồng ý ly hôn, không muốn cho ông T đi lấy người khác.

Về con chung: Bà Lạc Thị B không đồng ý ly hôn vì giữa hai vợ chồng còn nhiều vấn đề chưa giải quyết nên không đồng ý giao các con cho chồng nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy từ năm 2019, bà Lạc Thị B đã thường xuyên bỏ nhà đi, không làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ, không cùng chồng vun đắp tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc và nuôi dạy các con nên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người vợ, người mẹ làm cho cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Lạc Thị B không đồng ý ly hôn, tuy nhiên không đưa ra được phương án, cách thức để hàn gắn tình cảm, vợ chồng. Vì vậy, căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Lạc Thị B.

Về con chung: Xét thấy cả bố và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 03 con chung, tuy nhiên từ năm 2019 đến nay bà Lạc Thị B đã không thực hiện nghĩa vụ người mẹ, việc nuôi dạy các con đều do một mình ông T thực hiện. Hiện ông T có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi các con. Do các cháu đều trên 7 tuổi và cùng có nguyện vọng được ở với bố; để không xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến học tập nên căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao các con cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; bà Lạc Thị B không phải cấp dưỡng, do không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Hoàng Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung; các đương sự đều cư trú tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xem xét về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, lời trình bày, biên bản lấy lời khai người làm chứng về mâu thuẫn vợ chồng, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập; có đủ cơ sở để xác định: Ông Hoàng Văn T và bà Lạc Thị B trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Bà Lạc Thị B không chăm lo cho gia đình, công việc nhà chồng và chăm sóc các con; thường xuyên bỏ nhà đi trong suốt thời gian dài. Ông Hoàng Văn T đã nhiều lần khuyên bảo, cố gắng hàn gắn nhưng bà Lạc Thị B không thay đổi; kể từ năm 2020 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không tồn tại. Khi bà Lạc Thị B đi làm về cũng không chung sống cùng ông Hoàng Văn T, mỗi người sống một nhà riêng cho đến hiện nay. Bà Lạc Thị B bỏ mặc việc chăm sóc con cái cho ông Hoàng Văn T một mình cáng đáng, chịu trách nhiệm. Bà Lạc Thị B tại phiên hòa giải và phiên tòa đều trình bày không đồng ý ly hôn do ông Hoàng Văn T ngoại tình, chung sống với người phụ nữ khác, đánh đuổi bà ra khỏi nhà tuy nhiên đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; hơn nữa bị đơn cũng không đưa ra được cách thức hoá giải mâu thuẫn, phương hướng đoàn tụ, trong khi đó cả ba người con chung tại phiên tòa đều xác nhận việc bà Lạc Thị B thường xuyên bỏ nhà đi, không giúp đỡ bố chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lạc Thị B và ông Hoàng Văn T đã thực sự trầm trọng trong suốt thời gian dài, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; bị đơn yêu cầu đoàn tụ nhưng từ những tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, thẩm tra xác minh, lời trình

bày công khai của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình 2014. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho ông Hoàng Văn T được ly hôn bà Lạc Thị B.

[4] Về con chung: Căn cứ các Biên bản lấy nguyện vọng của con chung các ngày 21/02/2024 và ngày 15/4/2024, cả ba cháu Hoàng Thị Thảo M, Hoàng Lạc Nhã K và cháu Hoàng Ngọc A đều trình bày được ông Hoàng Văn T đảm bảo các điều kiện chăm sóc, học tập, ăn uống phát triển đầy đủ, có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn được tiếp tục sống cùng ông Hoàng Văn T. Bản thân ông Hoàng Văn T trình bày đi làm công nhân mỏ đá, có cung cấp bảng lương thu nhập trung bình một tháng 20.000.000 đồng, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cả ba con và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc các con. Từ những nhận định trên, cần thiết giao cho ông Hoàng Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Lạc Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hoàng Văn T được ly hôn với bà Lạc Thị B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2017 ngày 02/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Con chung: Ông Hoàng Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là 03 Hoàng Thị Thảo M sinh ngày 21/12/2007, Hoàng Lạc Nhã K sinh ngày 05/11/2012 và Hoàng Ngọc A sinh ngày 13/4/2017 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Lạc Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Bà Lạc Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Hoàng Văn T chưa có yêu cầu.

3. Tài sản chung, khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; xác nhận đã thi hành đủ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004627 ngày 24/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã C, huyện H;
- Các đương sự:.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Mạnh Cường